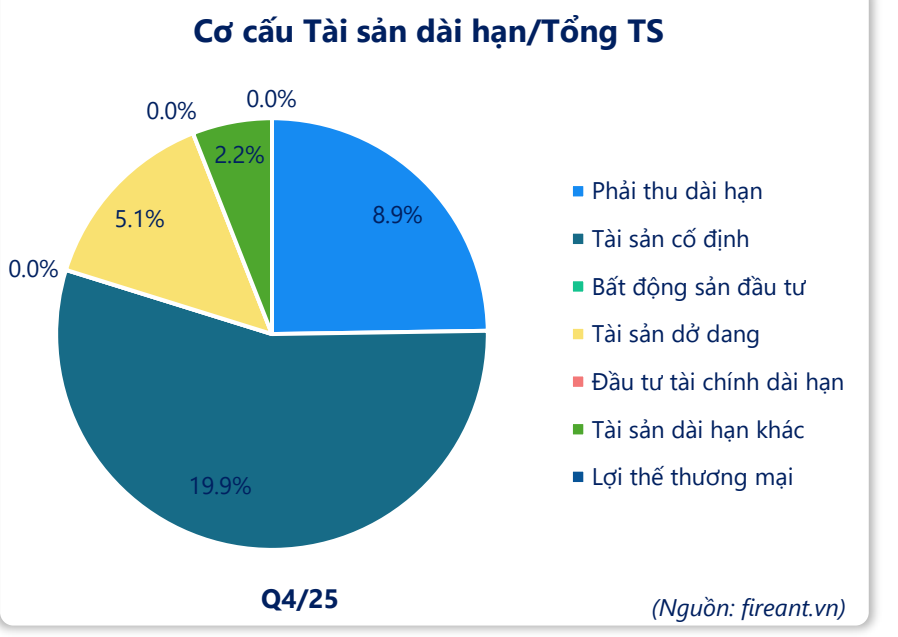
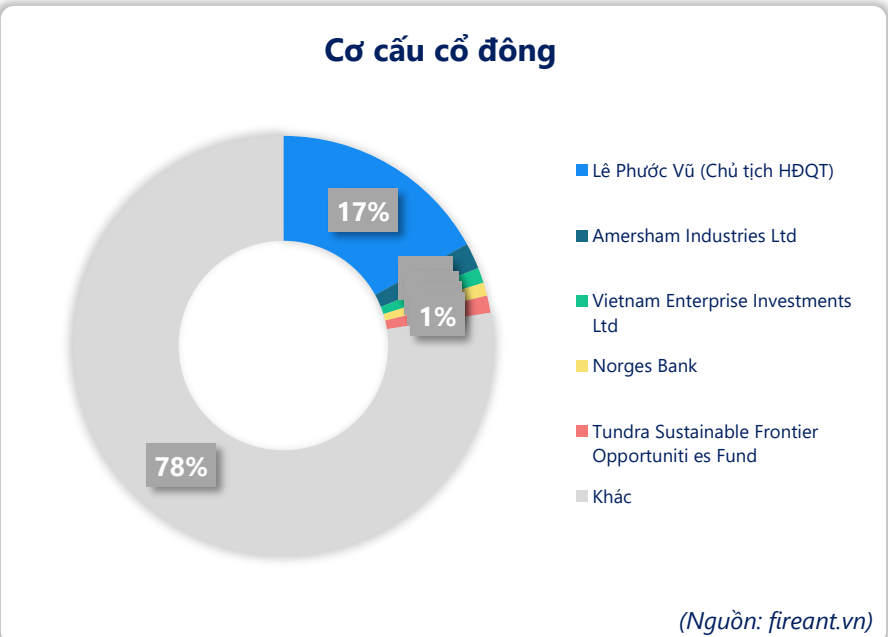
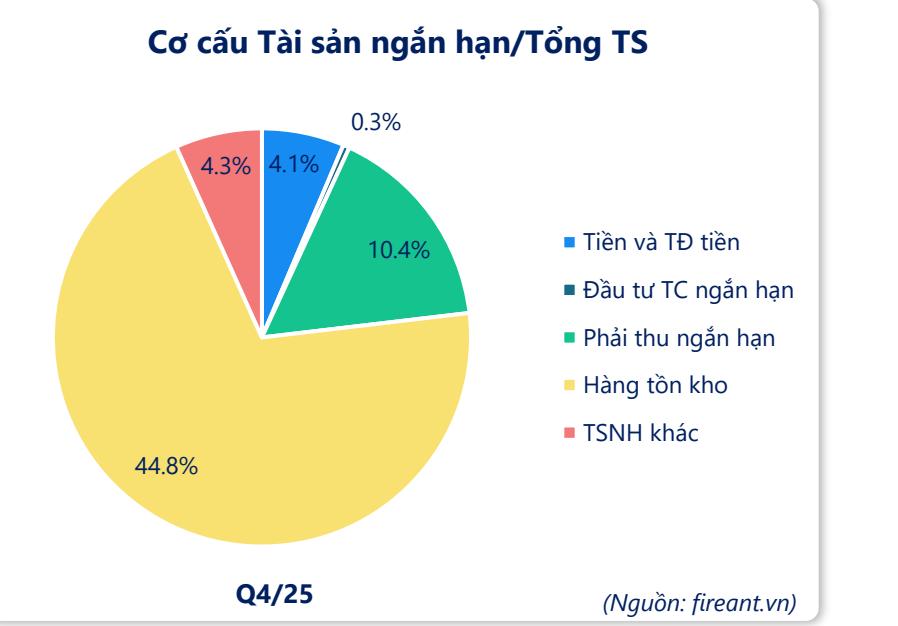
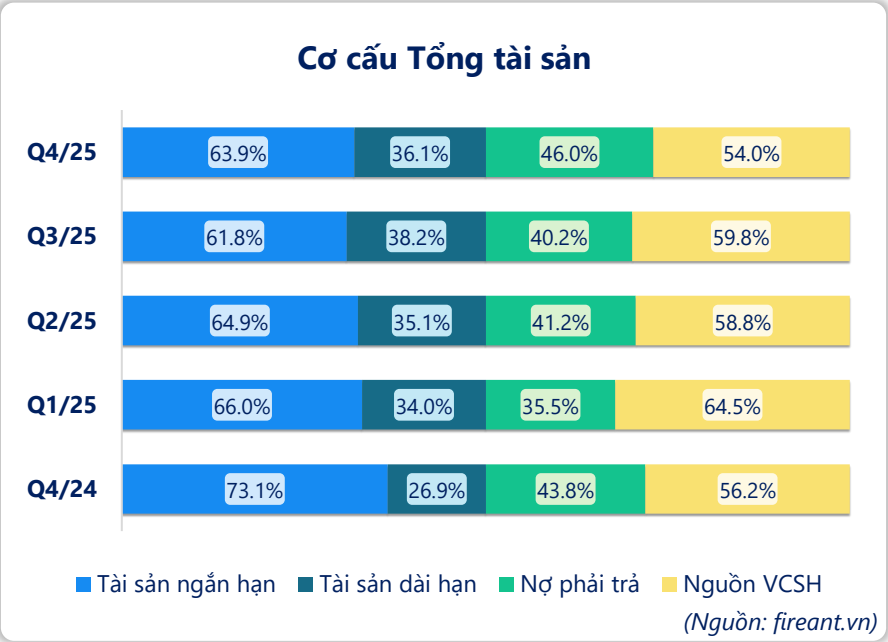
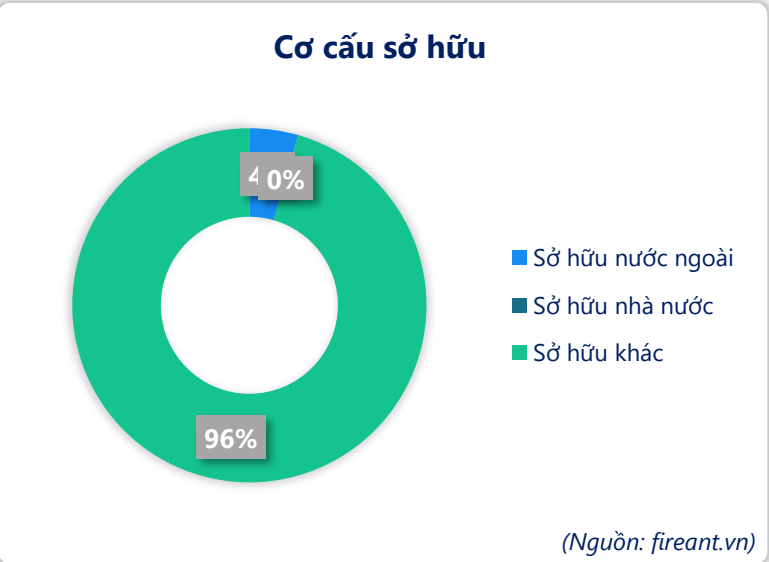
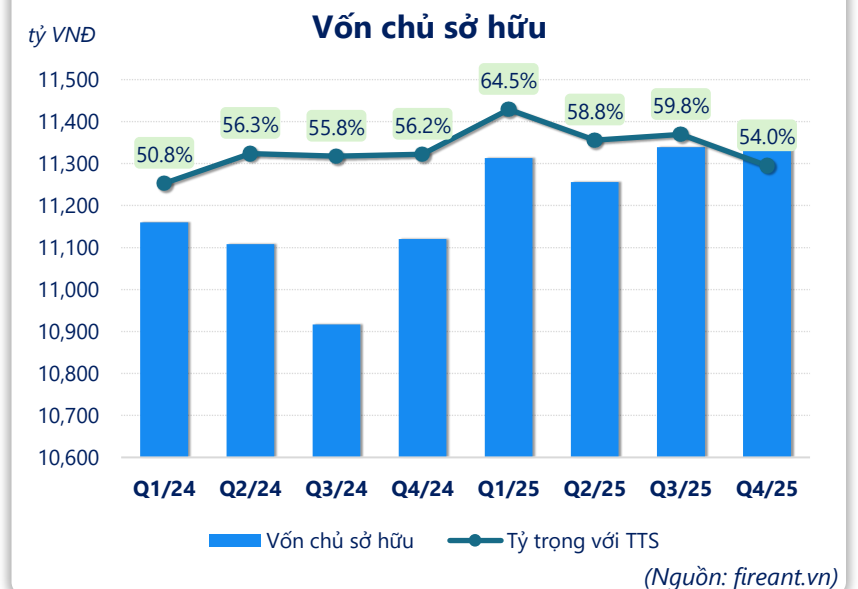
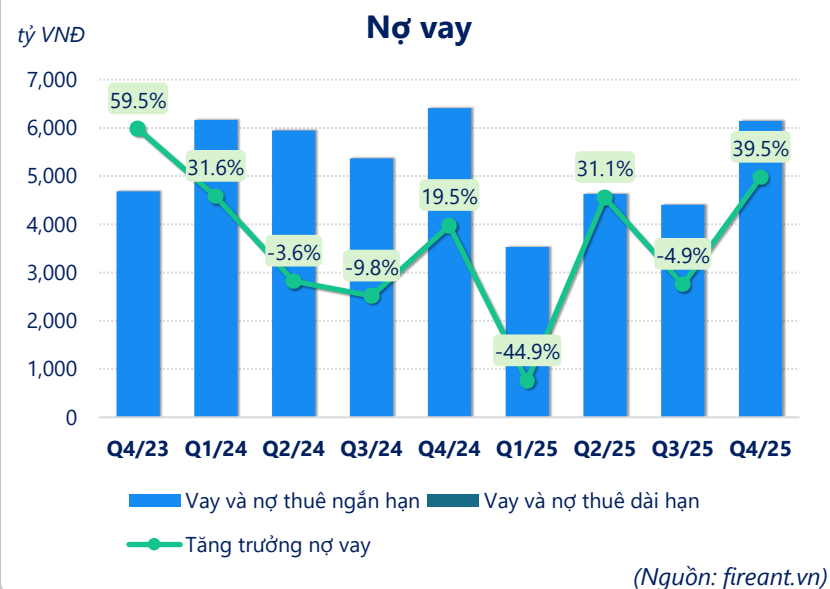
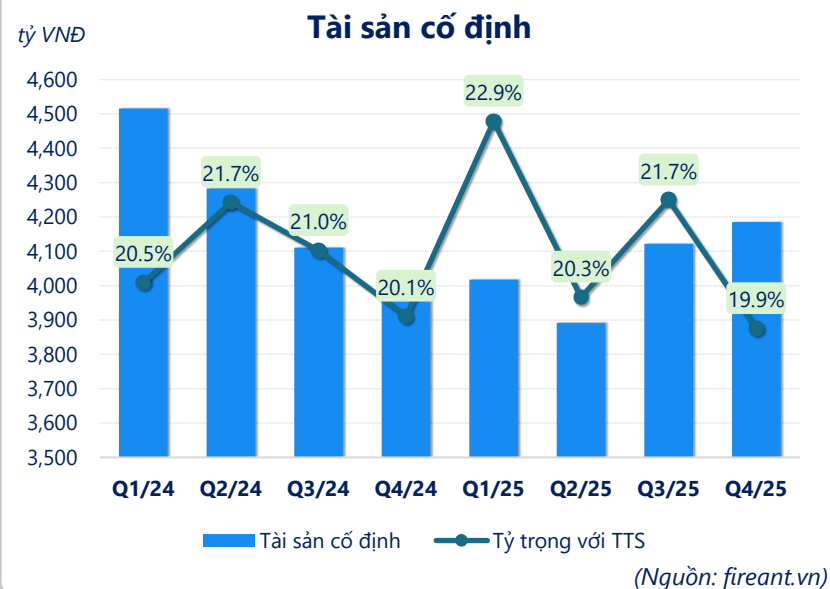
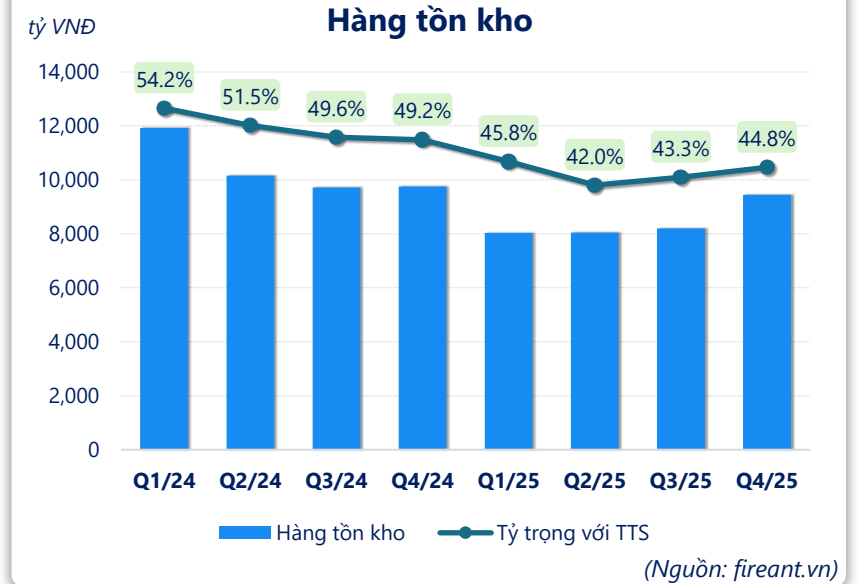
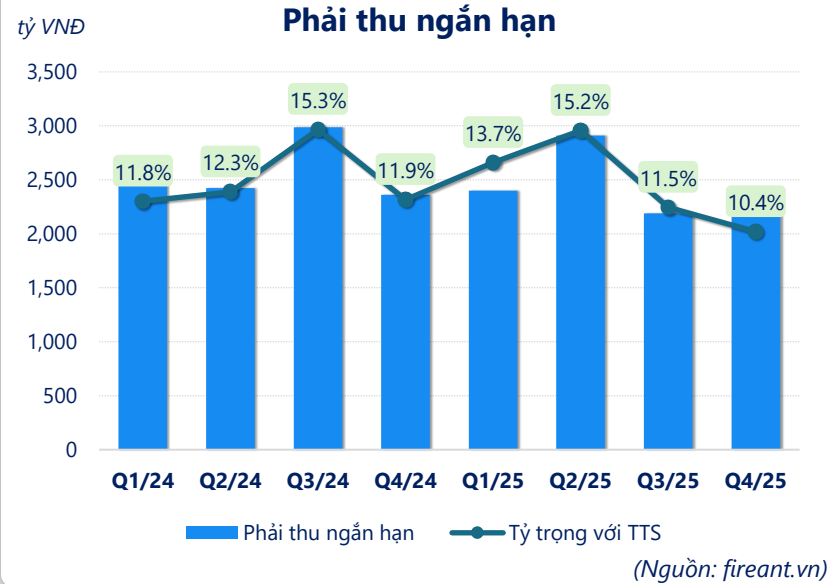
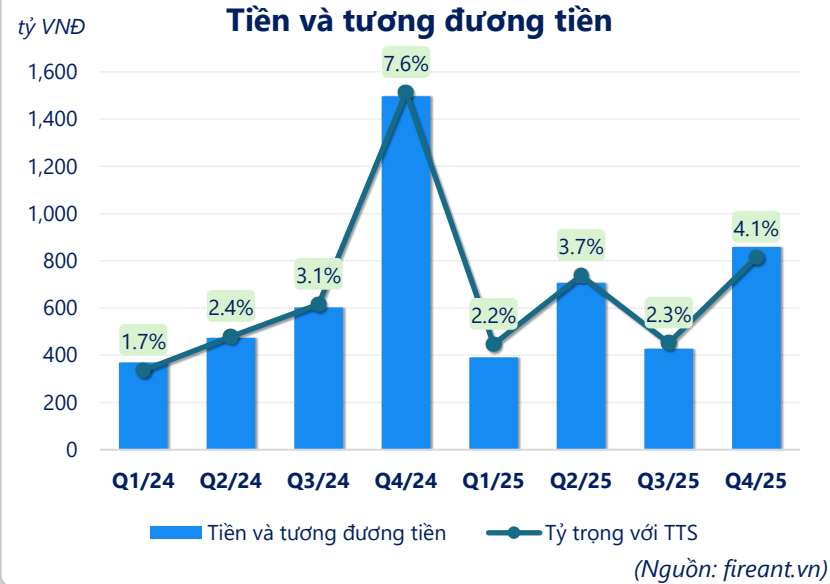
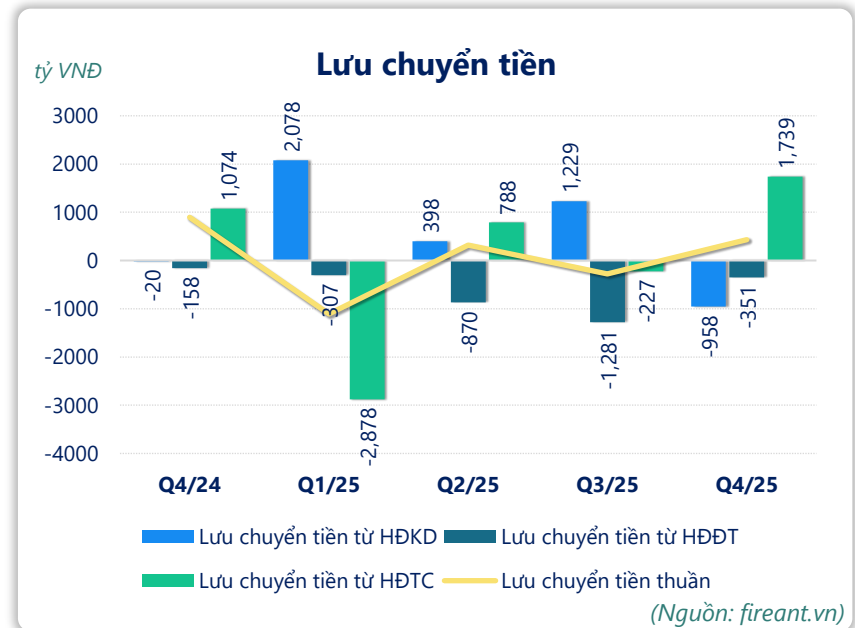
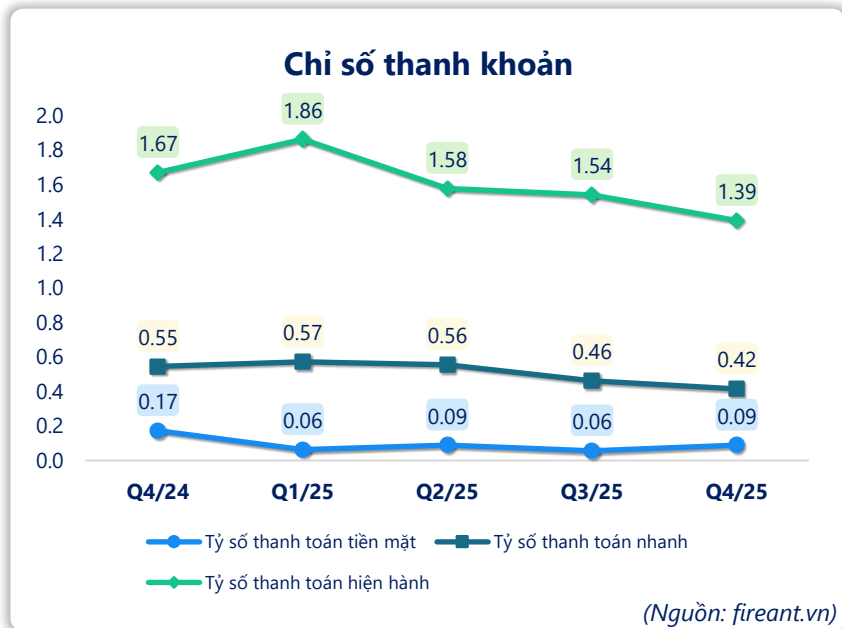
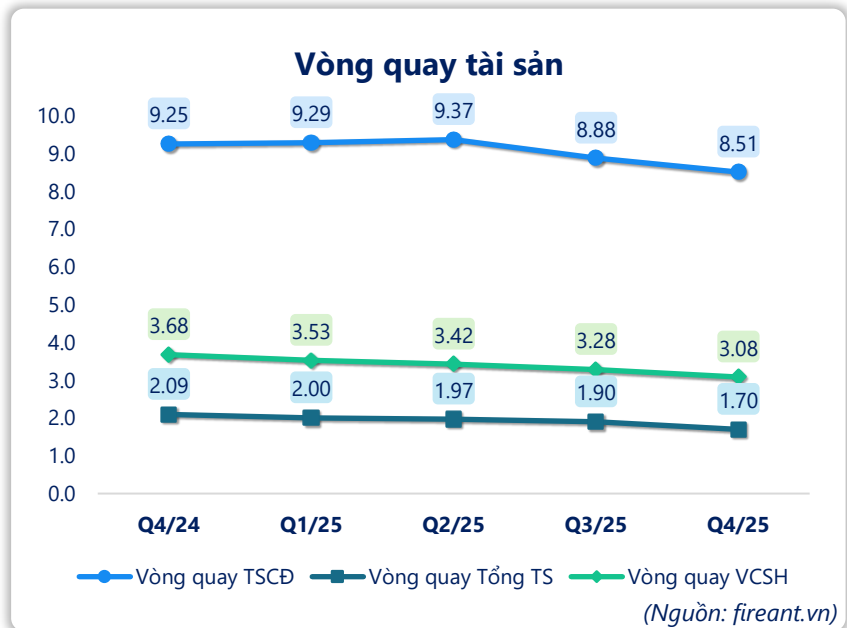
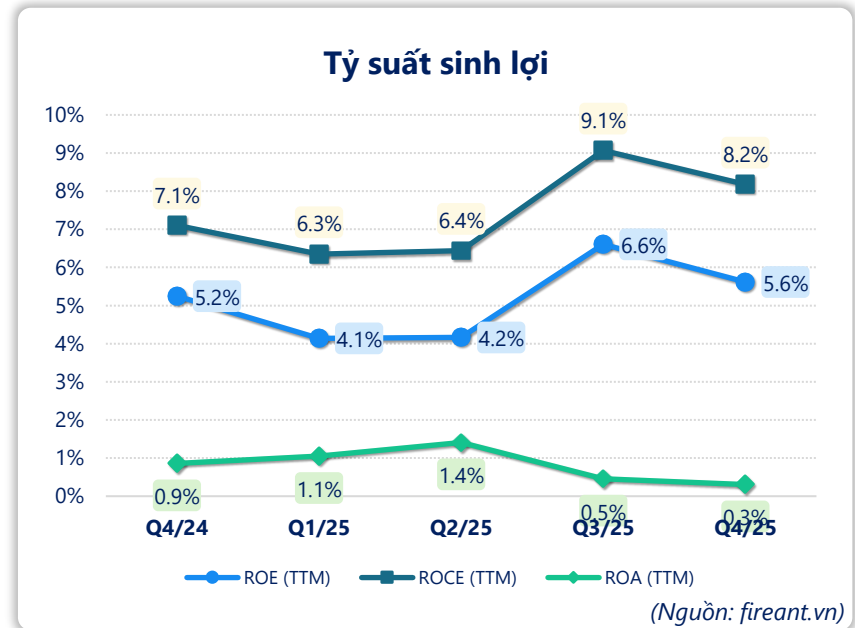
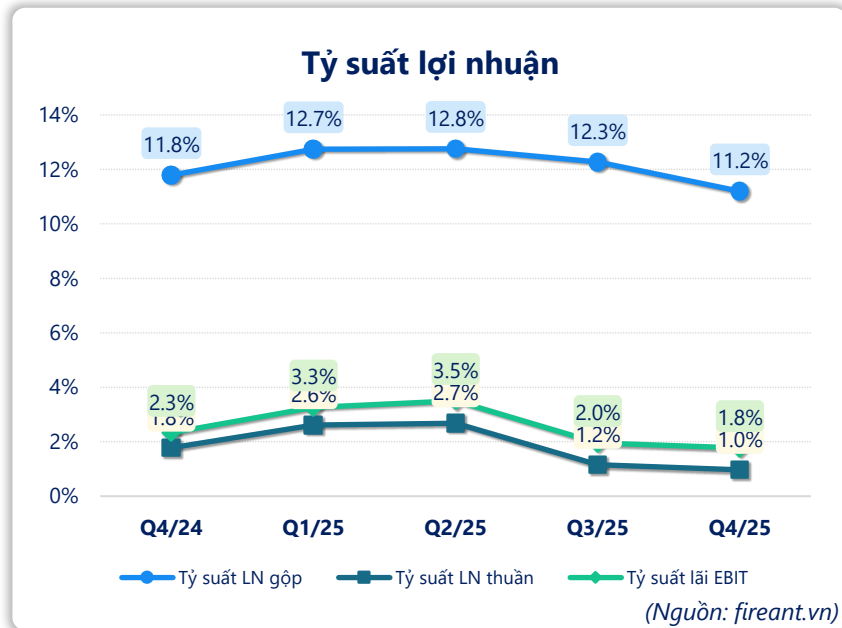
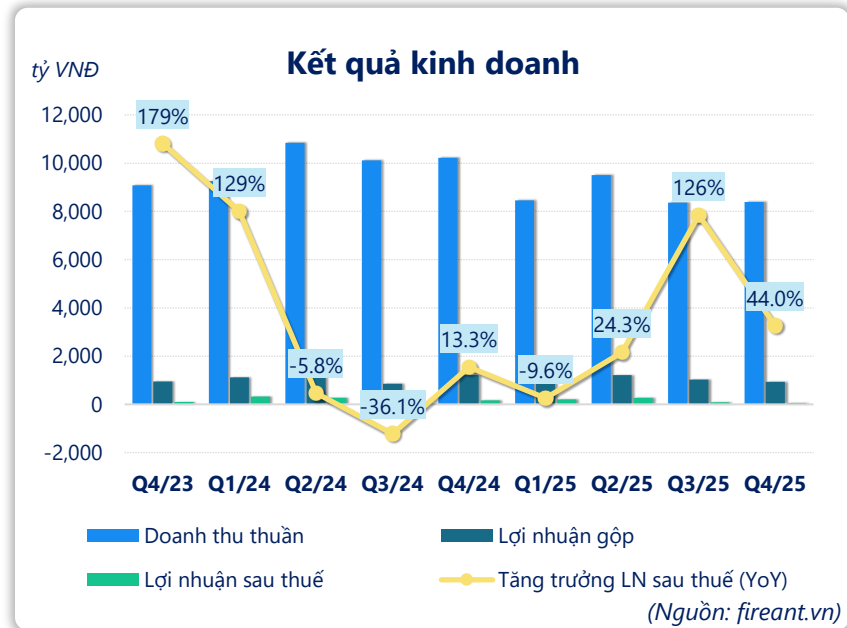


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		15,750
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		20,950
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		12,500
SL cổ phiếu LH		620,982,309
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,422,080
% sở hữu nước ngoài		4.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		9,780
P/E		15.5
EPS		1,018

	YTD	1T	3T	6T
HSG	-13.1%	-6.5%	-14.9%	-10.8%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	21,058	19,800	6.4%
Tài sản ngắn hạn	13,456	14,472	-7.0%
Tiền và tương đương tiền	858	1,497	-42.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	66.8	31.3	114%
Phải thu ngắn hạn	2,187	2,360	-7.3%
Hàng tồn kho	9,440	9,749	-3.2%
Tài sản ngắn hạn khác	904	835	8.3%
Tài sản dài hạn	7,603	5,328	42.7%
Phải thu dài hạn	1,882	213	782%
Tài sản cố định	4,185	3,971	5.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1,082	719	50.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	453	425	6.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	9,682	8,680	11.5%
Nợ ngắn hạn	9,665	8,664	11.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6,143	6,410	-4.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	2,399	1,368	75.4%
Nợ dài hạn	17.0	16.3	4.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	11,376	11,120	2.3%
Vốn chủ sở hữu	11,376	11,120	2.3%
Vốn điều lệ	6,210	6,210	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	10,222	8,450	9,509	8,357	8,383
Giá vốn hàng bán	9,016	7,374	8,296	7,331	7,445
Lợi nhuận gộp	1,205	1,077	1,213	1,025	939
Doanh thu HĐTC	43.4	120	61.1	56.0	39.1
Chi phí TC	75.0	69.0	60.0	68.4	69.4
Chi phí lãi vay	49.2	46.2	42.6	47.1	52.2
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	849	737	791	732	658
Chi phí QLDN	143	170	169	184	169
LN thuần từ HĐKD	182	220	255	96.5	81.3
Lợi nhuận khác	6.66	9.09	35.6	19.9	15.1
LN trước thuế	189	230	290	116	96.4
Lợi nhuận sau thuế	166	208	274	88.2	62.4
LNST của CĐ cty mẹ	166	208	274	88.2	62.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-20.2	2,078	398	1,229	-958
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-158	-307	-870	-1,281	-351
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1,074	-2,878	788	-227	1,739
Tiền đầu kỳ	602	1,497	391	706	428
Lưu chuyển tiền thuần	895	-1,107	316	-278	430
Ảnh hưởng tỷ giá	0	1.03	-1.03	-0.33	0
Tiền cuối kỳ	1,497	391	706	428	858

(Nguồn: fireant.vn)